

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI CỦA DÂN TỘC CHỨT Ở MIỀN TRUNG VIỆT NAM¹

Trịnh Thị Kim Ngọc *

Đặt vấn đề

Khi đề cập tới cơ hội và năng lực của con người trong phát triển, người ta thường nói tới một lý thuyết hiện đại do các chuyên gia hàng đầu của UNDP đề xuất vào đầu thập kỷ 90 - đó là lý thuyết phát triển con người (PTCN)². Đặc biệt, các chuyên gia UNDP quan tâm tới những cộng đồng dễ bị tổn thương, nơi các cơ hội phát triển bị hạn chế, giúp họ có cơ hội được phát triển bình đẳng với các cộng đồng khác. Nhận thức được ý nghĩa nhân văn và phù hợp với một quốc gia đang phát triển, hơn 25 năm qua, Chính phủ Việt Nam đã vận dụng quan điểm này vào việc xây dựng và điều phối chính sách, đồng thời tham gia tổng hợp, tính toán và công bố với thế giới các chỉ số phát triển con người (human development index, HDI) của Việt Nam.

Với phương pháp luận nhân văn nêu trên của UNDP, nhóm cán bộ khoa học của Viện Nghiên cứu Con người đã vận dụng vào nghiên cứu, đánh giá cơ hội và năng lực PTCN của một dân tộc thiểu số (DTTS), do nhiều nguyên nhân, dân tộc này còn gặp nhiều thách thức trong công cuộc xóa đói giảm nghèo (XĐGN), vươn lên làm chủ cuộc sống. Đó là cộng đồng dân tộc Chứt ở miền Trung Việt Nam.

1. Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

1.1. Cách tiếp cận trong nghiên cứu phát triển con người của dân tộc Chứt

Theo UNDP, quan điểm PTCN hướng tới việc *không ngừng mở rộng cơ hội lựa chọn và nâng cao năng lực lựa chọn cho con người, để họ có một cuộc sống đầy đủ, trường thọ, sáng tạo và có ý nghĩa, xứng đáng với con người*¹. Thông thường, mức độ phát triển được đo đạc và đánh giá bằng hệ thống các chỉ số, gồm ba chỉ số cơ bản: thu nhập, học vấn, sức khỏe - gọi là chỉ số PTCN (HDI). Tuy nhiên, cách đánh giá phát triển trên cơ sở các chỉ số thường được tiến hành với nhiều khách thể cộng đồng trên phạm vi phổ quát, hoặc được thực hiện trên một hoặc nhiều vùng lãnh thổ, nhiều quốc gia khác nhau. Khi vận dụng phương pháp chỉ số để đánh giá mức độ phát triển của một cộng đồng nhỏ, mang nhiều đặc thù, ... như dân tộc Chứt trong trường hợp đề tài đang triển khai lại là một việc làm khó khả thi. Bởi trong trường hợp này, đề tài không thể có được dữ liệu cơ bản, cho phép người nghiên cứu áp dụng các công thức của UNDP để có thể tính được chỉ số PTCN của riêng dân tộc này².

* PGS. TSKH.; Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

¹ Bài viết trong khuôn khổ Đề tài “Nghiên cứu cơ hội và năng lực tiếp cận mục tiêu PTCN của dân tộc Chứt ở miền Trung Việt Nam” do Quỹ Phát triển Khoa học - Công nghệ Quốc gia (Nafosted) tài trợ, Viện Nghiên cứu Con người chủ trì, thực hiện trong giai đoạn 2014 - 2016.

² Nhà Kinh tế học người Pakistan [Manbub ul-Haq](#) và nhà Kinh tế học người Ấn Độ [Amartya Sen](#).

¹ Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (2001), *Báo cáo phát triển con người Việt Nam năm 2001*, “Đổi mới và Phát triển con người”, Nxb. Chính trị Quốc gia, Tr. 13.

² Cho dù đề tài có thể tổng hợp được số liệu về thu nhập thực tế hộ gia đình, số năm đi học của người dân, ... Tuy nhiên, đó không phải là thu nhập GDP/HDI, chỉ số cần phải tính dựa trên GDP chung của cả tỉnh với kết quả thu được sẽ là GDP/HDI chung của cả tỉnh chứ không thể tính riêng cho một cộng đồng nào tại địa phương đó...

Các chuyên gia UNDP còn đề xuất cách đánh giá theo bốn chiều cạnh của PTCN, đó là: tính bình đẳng (*Equity*), hiệu quả (*Productivity*), bền vững (*Sustainability*) và mức độ tham gia của người dân (*Empowerment*) trong quá trình phát triển. Theo các chiều cạnh nêu trên, nhóm nghiên cứu đã vận dụng đánh giá một số vấn đề về cơ hội và năng lực tiếp cận các mục tiêu PTCN của dân tộc Chứt và coi đó là phương pháp luận đánh giá PTCN đối với cộng đồng nhỏ.

a) Về cơ hội lựa chọn trong phát triển của người Chứt

Cơ hội lựa chọn hay cơ hội phát triển theo quan điểm PTCN, được hiểu chính là những điều kiện thuận lợi nhất mà người dân có được, tiếp cận được để với cơ hội đó người dân có nhiều cách lựa chọn hơn trong phát triển kinh tế, XDGN, nâng cao mọi mặt về chất lượng cuộc sống, cũng như có thể nhanh hơn vươn tới những mục tiêu phát triển tốt đẹp nhất mà người dân và cả cộng đồng mong muốn... Trong nghiên cứu này, cơ hội phát triển của cộng đồng người Chứt, đó chính là sự quan tâm của Đảng, Chính phủ, của chính quyền các địa phương có dân tộc Chứt sinh sống cũng như của cả cộng đồng các dân tộc sống trên dải đất Việt Nam hướng tới sự phát triển của dân tộc này. Các điều kiện thuận lợi đó có thể hiểu trước tiên là các chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ và các địa phương ban hành đã được đưa vào cuộc sống; đó là những nguồn lực tài chính, nguồn lực về vật chất và tinh thần của cả nhà nước và cộng đồng dành cho sự phát triển của dân tộc Chứt.

Bốn chiều cạnh nêu trên của PTCN được đưa vào đánh giá cơ hội của dân tộc Chứt ở các lĩnh vực của cuộc sống, nhằm trả lời các câu hỏi lớn như: Dân tộc Chứt có được tiếp cận các cơ hội lựa chọn mà xã hội mang lại để phát triển một cách bình đẳng như các cộng đồng khác hay không? Dân tộc Chứt đã tiếp cận được các cơ hội một cách hiệu quả chưa? Những kết quả đã đạt được có bền vững hay không? Mức độ nắm chắc và làm chủ các cơ hội phát triển của dân tộc Chứt ra sao? Họ có được tham gia tiếng nói vào việc hoạch định chính sách phát triển cho chính cộng đồng mình hay không? Việc thực thi chính sách tại cộng đồng như thế nào?...

b) Về năng lực phát triển của người Chứt

Khái niệm năng lực trong PTCN được hiểu với nghĩa phổ quát hơn năng lực của cá nhân thuần túy. Đó là chỉ năng lực chung của cả cộng đồng để tiếp cận được với các mục tiêu phát triển đã đề ra. Trong nghiên cứu này, một số năng lực của dân tộc Chứt được xem xét là: năng lực làm kinh tế, tạo ra của cải vật chất để cộng đồng sớm thoát nghèo; khả năng duy trì các kết quả thoát nghèo và chất lượng cuộc sống; năng lực thích nghi với cuộc sống ổn định và văn minh, năng lực hội nhập vào kinh tế thị trường, năng lực học tập và tích lũy kiến thức, năng lực tái tạo các phúc lợi xã hội, hay năng lực làm chủ cuộc sống cộng đồng,...

Khi đưa bốn tiêu chí là các chiều cạnh của PTCN vào đánh giá năng lực phát triển của dân tộc Chứt, chúng tôi đã tập trung vào các câu hỏi như sau: Người Chứt có những năng lực cơ bản gì? Họ có được tự do và bình đẳng phát huy năng lực của mình vào các lĩnh vực của cuộc sống cộng đồng hay không? Năng lực đó có được phát huy một cách hiệu quả chưa, thể hiện rõ nhất ở lĩnh vực nào? Các kết quả có được từ sự nỗ lực của người Chứt có bền vững hay không? Những năng lực nào cần được quan tâm để gia tăng hoàn thiện?...

Vấn đề cơ hội và năng lực tiếp cận mục tiêu PTCN của dân tộc Chứt được đặt ra xem xét ở tất cả các lĩnh vực của cuộc sống cộng đồng, tương ứng với các bình diện của lý thuyết PTCN bao quát, một số bình diện cơ bản đó là: 1) phát triển kinh tế, gia tăng thu nhập và XDGN; 2) tiếp cận giáo dục, lĩnh hội tri thức của cộng đồng; 3) chăm sóc sức khỏe, gia tăng tuổi thọ của người dân.

c) Về mục tiêu phát triển con người của dân tộc Chứt

Quan điểm PTCN của UNDP đã khẳng định, *quá trình phát triển là quá trình vận động thay đổi của chính con người, do con người và vì con người*. Theo quan điểm này, sự nghiệp PTCN của dân tộc Chứt không phải của ai khác mà là sự nghiệp của chính cộng đồng người Chứt, do bản thân người Chứt thực hiện dưới sự hỗ trợ nguồn lực của Đảng, Chính phủ, chính quyền các địa phương và cả cộng đồng, với mục tiêu cơ bản nhất là nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng người Chứt, đồng thời khẳng định vai trò và vị thế của họ trong quá trình đổi mới. Các mục tiêu cụ thể có thể dựa vào đó để xem xét, đó là các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) mà chính phủ Việt Nam đã cam kết hoàn thành với quốc tế, cụ thể hơn đó là các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đề ra từ nay cho tới năm 2020.

1.2. Phương pháp nghiên cứu

a) Quy mô và quá trình tiếp cận địa bàn khảo sát

Để thu thập thông tin, số liệu từ địa bàn nghiên cứu, đề tài đã sử dụng tiếp cận nghiên cứu cùng cộng đồng (co-research approach). Trong điều kiện tự nhiên, khí hậu, giao thông đi lại,... cực kỳ khó khăn, được sự hỗ trợ tích cực của lực lượng bộ đội biên phòng vùng biên giới các tỉnh có người Chứt, cùng với sự phối kết hợp của cán bộ các địa phương, đề tài đã triển khai 4 đợt nghiên cứu điền dã tại 26 bản, 11 xã, 4 huyện thuộc hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh, địa bàn của cả 5 nhóm địa phương thuộc dân tộc Chứt sinh sống. Nhờ vậy, nhiều vấn đề trong cuộc sống của cộng đồng đã được đề tài tiếp cận.

b) Các phương pháp sử dụng và nguồn số liệu

Để thu thập thông tin, số liệu từ địa bàn và do chính người Chứt cung cấp, đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây: 1) Phỏng vấn hộ gia đình bằng bảng hỏi. Với 874 phiếu hỏi hộ gia đình trong cộng đồng, đề tài đã bao quát cuộc sống của 3.245 nhân khẩu trong các nhóm địa phương thuộc dân tộc Chứt, chiếm 53% dân số Chứt trong thời điểm hiện nay; 2) Phỏng vấn sâu 58 trường hợp là cán bộ lãnh đạo chủ chốt và lãnh đạo các đoàn thể tại địa phương; 3) Thảo luận nhóm tập trung với 18 cuộc, là các nhóm lãnh đạo và người dân tại các địa phương có người Chứt sinh sống; 4) Hội thảo chuyên gia được triển khai ở hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh để lấy ý kiến của đội ngũ lãnh đạo hai địa phương. Với các phương pháp nêu trên, nghiên cứu này đã thu thập được trên 1.200 ý kiến của người dân, của giới lãnh đạo các địa phương và của các nhà hoạch định chính sách các bộ ngành về PTCN của dân tộc Chứt. Ngoài ra, đề tài còn sử dụng nguồn tư liệu từ các báo cáo của địa phương về việc triển khai các dự án hỗ trợ đồng bào Chứt phát triển. Một số kết quả nghiên cứu chính được trình bày dưới đây.

2. Một số kết quả nghiên cứu chính

2.1. Về các cơ hội lựa chọn trong phát triển của dân tộc Chứt

a) Một số kết quả có được trong cuộc sống của dân tộc Chứt trên cơ sở các cơ hội mà Chính phủ và chính quyền địa phương đã nỗ lực tạo ra

Với đặc thù về cơ cấu dân cư của một quốc gia đa dân tộc, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã đặc biệt chú trọng tới các chính sách dân tộc và các chính sách này đã được triển khai từng bước trong công cuộc đổi mới. Trong đó, Đảng ta chủ trương đặc biệt quan tâm đến cuộc sống và sự tồn vong của các DTTS ít người (có dân số dưới 10.000 người). Dân tộc Chứt nằm trong số 16 DTTS ít người nêu trên. Kể từ đầu thập kỷ 90, khi người A Rem, người Rục và một vài nhóm người Mã Liềng là những nhóm địa phương cuối cùng của dân tộc Chứt trở về cuộc sống định cư

trong bối cảnh đất nước đổi mới. Từ đó tới nay, nhiều chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, vùng đặc biệt khó khăn đã trở thành “bệ đỡ phát triển” cho đồng bào. Dân tộc Chứt cũng là cộng đồng được ưu tiên hưởng lợi từ các chương trình phát triển đó³. Ngoài ra, dân tộc Chứt còn được chính quyền hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh triển khai nhiều chương trình hỗ trợ từ ngân sách địa phương như: Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là con em người Chứt; Đề án phát triển kinh tế - xã hội dân tộc Chứt giai đoạn 2006 - 2010 và giai đoạn 2011 - 2020; Dự án bảo tồn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Rục, Thượng Hoá, Minh Hóa, Quảng Bình; Đề án phát triển dân tộc Chứt ở bản Rào Tre, xã Hương Liên, huyện Hương Khê, Hà Tĩnh đến năm 2020... và nhiều chương trình, dự án phát triển khác. Về điều này có thể nói, dân tộc Chứt đã nhận được sự quan tâm đặc biệt với nhiều nguồn lực ưu tiên của Chính phủ và cộng đồng xã hội.

Bình đẳng trong chính sách phát triển các DTTS nước ta là một trong những nguyên tắc cơ bản, thể hiện nhất quán trong chủ trương, chính sách của Đảng thời kỳ đổi mới, đã trở thành động lực to lớn cho khối đại đoàn kết các dân tộc ngày càng bền vững. Nguyên tắc này đã được khẳng định trong nhiều Văn kiện Đại hội Đảng từ Đại hội VII cho tới nay⁶. Nhờ sự quan tâm mở rộng các cơ hội phát triển thông qua các chính sách đầu tư, hỗ trợ, cuộc sống của đồng bào dân tộc Chứt ở các địa phương đều đã khởi sắc. Trước tiên là sự thay đổi về cảnh quan và cơ sở hạ tầng tại tất cả 26 bản, 11 xã thuộc hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh mà đề tài đã đi điền dã, cho thấy: 100% địa bàn người Chứt sinh sống có đường ô tô vào tới tận ủy ban nhân dân xã và có hệ thống nước sạch; trừ một vài địa bàn của người Sách và bản Giàng II của người Khạ Phọng, 100% các nhóm địa phương khác thuộc dân tộc Chứt được hỗ trợ nhà ở và đất tăng gia. Bên cạnh nhà kiên cố được xây dựng, nhiều hộ gia đình vẫn giữ ngôi nhà gỗ truyền thống nên diện tích ở của cộng đồng đã được cải thiện rõ rệt. Trừ bản 39, người A Rem còn đang sử dụng điện mặt trời, còn lại 100% các bản khác của người Chứt đã được sử dụng điện lưới quốc gia. Ở nhiều bản người Chứt đã có internet. Trong bản, nhiều thanh niên Chứt đã có xe máy,... Bức tranh chung trong đời sống của người Chứt nêu trên đã thể hiện rõ sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, của các địa phương đã giúp đỡ họ có cơ hội “đổi đời”.

Tính bình đẳng trong tiếp cận cơ hội của người Chứt được thể hiện ở chỗ, tất cả mọi người

³ Đã có nhiều chương trình mục tiêu quốc gia, nhiều dự án và chính sách tiêu biểu được triển khai tại các vùng DTTS đặc biệt khó khăn ở nước ta, trong đó có địa bàn dân tộc Chứt. Các chương trình, chính sách này đều được Chính phủ giao cho các địa phương thực hiện nhằm hỗ trợ người dân vượt nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống: Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đặc biệt khó khăn (134, 135); Chương trình giảm nghèo bền vững cho 62 huyện nghèo nhất nước (Nghị quyết 30a); Chương trình hỗ trợ nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho hộ nghèo (các Quyết định 134, 167, 74); Chính sách tín dụng ưu đãi, cho vay vốn phát triển sản xuất đối với các hộ nghèo và hộ DTTS; Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục, đào tạo (trong đó có chương trình dạy và học tiếng nói, chữ viết cho một số DTTS); Chương trình cử tuyển học sinh DTTS vào các trường cao đẳng, đại học,...; Chương trình y tế với các mục tiêu phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm, khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo; Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường cho khu vực nông thôn, miền núi; Chương trình phủ xanh rừng và bảo vệ rừng 161; Chính sách cấp không thu tiền cho 20 ấn phẩm báo, tạp chí phát hành tại vùng DTTS, vùng đặc biệt khó khăn;...

⁶ Nghị quyết Đại hội VII của Đảng (6/1991) nêu rõ: “Đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc tốt đẹp của mỗi dân tộc là chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta”. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4/2001) tiếp tục khẳng định nguyên tắc cơ bản của chính sách dân tộc là: “Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển...”. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (2006) tiếp tục khẳng định: “Đảng ta luôn coi vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài của sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa...”.

trong cộng đồng, không phân biệt nhóm địa phương, địa bàn cư trú,... đều được tiếp cận các cơ hội để phát triển kinh tế, học tập và chăm sóc y tế như nhau, thậm chí ở những địa bàn khó khăn hơn, hay đối với những nhóm địa phương có vấn đề nguy cấp hơn trong cuộc sống, họ nhận được sự quan tâm hỗ trợ nhiều hơn.

Tính hiệu quả trong tiếp cận cơ hội có thể thấy rõ ở một số hoạt động sau: để hỗ trợ cho đồng bào Chứt chủ động sản xuất, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu về lương thực, giai đoạn từ năm 2010 tới nay, chính quyền các địa phương có dân tộc Chứt đã cấp cho các bản máy cày để làm đất. Hàng năm bà con được nhận các loại giống cây trồng, phân bón, các loại vật tư nông nghiệp và có cán bộ khuyến nông đến giúp đồng bào. Ở nhiều địa bàn của người Chứt, tiêu biểu là khu vực Bản Ón, Yên Hợp của người Rục và bản Rào Tre của người Mã Liềng, dưới sự hướng dẫn “cầm tay, chỉ việc” của bộ đội biên phòng và cán bộ địa phương, trong vài năm trở lại đây, cộng đồng người Chứt đã trồng được lúa nước và đã có thu hoạch ổn định. Số lúa và sắn, khoai thu hoạch được đã đủ ăn trong vòng 6 tháng, cùng với suất gạo 12kg/khẩu/tháng của nhà nước hỗ trợ, cái đói đã từng bước được đẩy lùi. Một số gia đình đã dự trữ được lương thực để phòng giai đoạn giáp hạt hoặc khi gặp biến động về thiên tai.

Về giáo dục, 100% các bản và các xã có người Chứt sinh sống đều có các trường mầm non, ở các xã đã có các trường phổ thông liên cấp, trường lớp đều đã được xây dựng theo hướng kiên cố hóa để tất cả con em người Chứt có cơ hội đến trường. Theo báo cáo của tỉnh Quảng Bình, ngay từ năm 2008, trong tỉnh có 1 trường Phổ thông Dân tộc nội trú và 4 trường nội trú của huyện được xây dựng kiên cố với đầy đủ trang thiết bị dạy học để đón các học sinh ưu tú người Chứt (những trẻ đã vượt qua hai bậc học ở bản). Nhờ nhận được sự quan tâm đặc biệt, kết quả cho thấy 95% các em nhỏ người Chứt được đến trường ở các bậc mầm non và tiểu học. Ở các bậc học trên, số lượng các em đi học ít hơn do có tới 19,44% các em nhỏ không đi học ở bậc trung học cơ sở với lí do đơn giản là các em bận giúp đỡ gia đình.

Trong quá trình triển khai, các chương trình hỗ trợ đồng bào dân tộc Chứt đều được thực hiện dựa trên những nguyên tắc như: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra,” “xã có công trình, dân có việc làm và tăng thu nhập”, “xã làm chủ đầu tư”,... vì thế có thể nói người dân đã từng bước được tham gia vào các công việc với tư cách làm chủ cuộc sống của mình. Những cơ hội mà nhà nước và cộng đồng tạo ra cho người Chứt là rất nhiều, thậm chí có thể nói nhiều hơn cả khả năng nắm bắt của cộng đồng Chứt. Đây là nỗ lực rất lớn của Chính phủ và địa phương trong công cuộc phát triển của dân tộc này. Tuy nhiên, về tính hiệu quả và bền vững của các cơ hội là vấn đề cần tiếp tục xem xét.

b) Một số khó khăn trong tiếp cận cơ hội của người dân

Để đẩy lùi “cái đói” và nhanh chóng thoát nghèo, người Chứt được hỗ trợ giống, kỹ thuật khuyến nông và 6 tháng gạo/1 người/năm. Thu nhập từ sản xuất tăng gia của bà con đạt mức rất thấp, chỉ chưa đầy 48% số hộ được hỏi có mức thu nhập dưới 5 triệu đồng/năm. Số hộ còn lại (khoảng 52%) chỉ có thu nhập chưa đầy 2,5 triệu đồng/hộ/năm. Với thu nhập như vậy, đã 10 năm nay, thống kê của chính quyền địa phương cho biết người Chứt vẫn ở mức 100% hộ nghèo. Còn theo khảo sát của Đề tài năm 2014, tỉ lệ nghèo về thu nhập của người Chứt vẫn ở mức 84,5%. Đây là mức nghèo rất cao trong so sánh với các DTTS khác ở nước ta.

Về việc học tập của con em người Chứt cũng chưa thấy thể hiện rõ tính hiệu quả. Trẻ em người Chứt đã được hỗ trợ tiền để đi học, nhưng việc học tập của con em họ tại các trường dân

tộc nội trú (DTNT) rất khó khăn. Với lí do không đủ tiền cho con đi học, chỉ có khoảng chưa đến 30% con em người Chứt trong độ tuổi được gửi đến học tại các trường DTNT ở tỉnh và các huyện. Trên thực tế, cơ hội hỗ trợ tiền của nhà nước cho con em đi học vì nhiều lí do mà người dân vẫn chưa tiếp cận được. Nhà nước đã nỗ lực để xây dựng trường, nhưng trên thực tế, cả các trường ở thôn - bản và các trường DTNT đều hoạt động chưa hết tiềm năng. Giáo viên ở các bản “vừa phải dạy vừa phải dỗ” và thuyết phục các gia đình để cho con em đến trường đi học.

Lĩnh vực chăm sóc sức khỏe (CSSK) cho cộng đồng người Chứt cũng được đặc biệt quan tâm. Các địa phương không chỉ đầu tư về cơ sở vật chất: trạm y tế kiên cố, trang thiết bị, thuốc men,... mà còn được tăng cường cả về nguồn nhân lực. Nhưng, hầu như các trạm y tế cũng đang hoạt động dưới tiềm năng, do tập quán văn hóa của người Chứt không khám thai, không sinh nở ở nơi có người lạ; khi ốm đau họ thường dùng các loại lá rừng. Vì vậy, tại các trạm y tế nơi bản người Chứt sinh sống, các y bác sĩ cũng không có nhiều cơ hội để phát triển chuyên môn. Đó là thực tế ghi chép được ở nhiều bản.

Lĩnh vực văn hóa xã hội cũng đã được các địa phương quan tâm. Thể hiện ở việc ưu tiên tổ chức nghiên cứu, tìm hiểu văn hóa dân gian của dân tộc này. Tiếp đến là việc đầu tư cho các lễ hội của cộng đồng, mở rộng cơ hội cho cộng đồng thực hành văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này thấy rất rõ là lớp trẻ người Chứt ít quan tâm tới lễ hội dân gian. Họ đang hướng đến cuộc sống bên ngoài với nhạc ngoại, các trò chơi trên điện thoại và internet,...

Xem xét theo quy mô ngân sách đầu tư qua các chương trình, dự án của trung ương và địa phương chúng ta thấy rõ, người Chứt đã nhận được sự quan tâm rất lớn về các nguồn lực để họ nhanh chóng ổn định cuộc sống và phát triển. Đặc biệt là nguồn lực tài chính từ ngân sách. Có thể nói người Chứt đã nhận được sự ưu tiên đáng kể về nguồn lực tài chính thông qua các chương trình, dự án phát triển. Chỉ riêng số tiền đầu tư của nhà nước cho cơ sở hạ tầng: điện, đường, trường, trạm,... tại bản 39 của người Arem trong thập kỷ qua đã lên đến trên 600 tỉ đồng⁷. Đề án phát triển kinh tế - xã hội dân tộc Chứt giai đoạn 2011 - 2020 đã được ưu tiên với tổng mức đầu tư 166 tỉ 457 triệu đồng,⁸... Tại Dự án Phát triển và bảo tồn cộng đồng người Chứt ở bản Rào Tre, xã Hương Liên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2015 - 2020 đang triển khai hiện nay, riêng làm con đường vào bản đã có dự toán lên tới 42 tỉ đồng. Ngoài ra, còn nhiều con số ở các chương trình, dự án khác chưa thể kể hết... Tuy vậy, hiệu quả kinh tế - xã hội và tính bền vững của các dự án này chưa cao. Nguyên nhân của nó có thể thấy là nhiều các khoản ưu tiên đầu tư của nhà nước cho cộng đồng chỉ tập trung vào diện mạo của cộng đồng. Việc đầu tư này luôn cần một khoản kinh phí rất lớn, trong khi đầu tư lương thực và nhu yếu phẩm thì không đáng kể so với việc đầu tư cho cơ sở hạ tầng... dẫn đến việc người dân không nhận thức được nên đã phản ánh “đầu tư của nhà nước cho người Chứt bằng con bò, nhưng người dân chỉ nhận được phần nhỏ như con chó con” (Ý kiến của bà con Mã Liêng, bản Rào Tre). Hơn nữa, việc đầu tư như vậy dẫn đến thói quen chờ đợi, ỷ lại của người dân vào những hỗ trợ của nhà nước. Việc đầu tư cho phát triển sản xuất, đào tạo nguồn nhân lực, phổ biến kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, xây dựng và nhân rộng mô hình hộ gia đình làm kinh tế giỏi ngay tại địa phương trong cộng đồng Chứt,... dường như chưa được chú trọng quan tâm ở mức cần thiết.

2.2. Về năng lực tiếp cận các cơ hội phát triển con người của dân tộc Chứt

a) Một số thành quả trong việc tận dụng cơ hội phát triển

⁷ Số liệu dẫn theo Nguyễn Văn Mạnh và Ban Dân tộc - Miền núi tỉnh Quảng Bình khảo định năm 2013.

⁸ Theo trang tin UBND tỉnh Quảng Bình và Ban Dân tộc - Miền núi tỉnh Quảng Bình.

Về tính bền vững cho thấy, nhờ sự quan tâm của Nhà nước và chính quyền địa phương, nhờ sự hỗ trợ của bộ đội biên phòng hướng dẫn bà con trồng lúa, về cơ bản đồng bào dân tộc Chứt cho đến nay không còn tình trạng hộ đói. Nhưng có tới gần 48% các hộ gia đình còn đang có mức thu nhập rất thấp (dưới 5 triệu đồng/năm), và tỉ lệ hộ nghèo còn rất cao. Khảo sát hộ gia đình cho thấy, có tới 84,5% các hộ gia đình người Chứt vẫn còn đang sống dưới ngưỡng nghèo với nguy cơ tái nghèo cao⁹. Chỉ cần một biến động về tự nhiên hay xã hội: thiên tai, cháy rừng,... thì cộng đồng lại “nghèo hoàn nghèo”. Mặc dù đã có một số hộ gia đình làm kinh tế giỏi, nhưng mới chỉ là làm ăn nhỏ lẻ với số lượng hiếm hoi. Có thể nói kết quả giảm nghèo của người Chứt trong 10 năm qua là chưa bền vững.

Về tính hiệu quả và bền vững trong tiếp cận năng lực của người Chứt trong lĩnh vực giáo dục và văn hóa cơ bản là chưa thể hiện rõ. Được Nhà nước và địa phương quan tâm đầu tư xây dựng trường bản, số học sinh các cấp có tăng, tuy nhiên chất lượng học sinh còn rất kém¹⁰. Khảo sát cho thấy, trẻ em người Chứt không thấy đi học là cần thiết. Tại các trường bản, họ luôn tìm cơ hội để về nhà “ăn cơm nguội” rồi trốn luôn. Cảnh lớp học chỉ còn một vài học sinh sau giờ ra chơi không phải là hiếm. Hiện tượng tái mù chữ không chỉ có ở người lớn mà còn tồn tại ở cả thanh thiếu niên. Bên cạnh đó, nhiều lớp học xóa mù chữ do bộ đội biên phòng mở ra nhưng hiệu quả không cao.

Về trình độ cán bộ quản lý tại các cơ sở nơi người Chứt sinh sống cũng rất thấp. Nhà nước chỉ mới chú trọng đào tạo các cán bộ làm công tác dân tộc ở cấp xã, huyện, chủ yếu họ là người Kinh hoặc người Sách, người Nguồn, những nhóm có trình độ phát triển cao hơn. Còn cán bộ địa phương là người Chứt (Mày, Rục, Mã Liềng, Arem) dường như rất hiếm hoi. Điều đó cũng dễ hiểu trước một thực tế là việc tiếp cận học vẫn ở cộng đồng người Chứt vẫn đang ở tình trạng hết sức hạn chế.

Người Chứt đã được khuyến khích phát huy tinh thần làm chủ cuộc sống, thể hiện rõ nhất ở việc giao 10 ha rừng cho người A Rem quản lý tại vùng lõi thuộc rừng quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Và công tác này đã thể hiện được những hiệu quả tích cực, trở thành điểm sáng trong việc trao quyền cho người dân. Người Chứt nhiều đời được rừng bảo vệ, nuôi sống và rừng đối với người Chứt vô cùng thiêng liêng. Họ bước ra từ rừng, giờ lại được trở lại bảo vệ tài sản của núi rừng quê hương, việc đó khó ai có thể làm tốt hơn người Chứt. Thực tế, 10 ha rừng của người A Rem được bảo vệ rất tốt, mỗi năm riêng phụ cấp trồng rừng đã đem về cho dân bản 39 trên dưới 250 triệu đồng. Nắm được tập quán truyền thống này của người Chứt, các địa phương cần nhân rộng mô hình sinh kế để có thể phát huy được hiệu quả hơn năng lực làm chủ của người dân vào công cuộc giảm nghèo.

Ngoài điểm sáng nêu trên, phần đông đồng bào dân tộc Chứt có tâm lý rằng công cuộc đổi mới và giảm nghèo của họ là vì mục tiêu mang lại thành tích cho cán bộ, nên họ chưa chủ động tham gia. Một hiện trạng dễ thấy ở cộng đồng người Chứt là nhà dự án xây cho họ đã xuống cấp cần sửa chữa nhưng họ chờ nhà nước; tăng gia sản xuất nếu bộ đội biên phòng chưa có hiệu lệnh thì chưa đi làm; việc trồng lúa nước nếu không được hỗ trợ sản xuất thì họ lại để đất hoang,... Về mức độ thể hiện tính chủ thể của cộng đồng người Chứt cho thấy, chỉ có 51% nguyện vọng của bà con mong muốn được đầu tư về cây, con giống mới, về tư liệu sản xuất,... và vẫn còn 49% ý

⁹ Kết quả khảo sát của Đề tài.

¹⁰ Báo cáo của Ban Dân tộc - Miền núi tỉnh Quảng Bình, 2008, Tr. 105.

kiến thể hiện sự trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước cho gạo, sách vở,... để con em đến trường. Nhìn chung, quá trình trao quyền cho người Chứt mà các địa phương đang tiến hành còn đang gặp không ít thách thức.

b) Một số thách thức trong việc nâng cao năng lực cho cộng đồng người Chứt

Một số thách thức lớn và những nguyên nhân trong tiếp cận cơ hội và năng lực của dân tộc Chứt để họ sớm tiếp cận và hoàn thành được các mục tiêu PTCN của Đảng và địa phương đề ra có thể khái quát như sau:

Về năng lực phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo

Cho dù được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan như: điểm xuất phát ban đầu thấp, người dân đã quen nhiều đời với sinh kế khai thác tự nhiên; đồng bào Chứt lại trở về với cộng đồng khá muộn: người Rục và A Rem được phát hiện vào năm 1960, vận động đồng bào về lập bản, nhưng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ xảy ra ác liệt, đồng bào lại chạy vào ẩn náu trong rừng, trong vòng 50 năm qua, nhiều nhóm địa phương trong dân tộc Chứt đã thực hiện tái định cư tới vài - bốn lần (người Mã Liềng, người A Rem, người Mày được thực hiện định canh định cư vào những năm đầu của thập niên 90,...), nên việc thích nghi với cuộc sống mới quả là không thể “một sớm một chiều”; thêm vào đó, người Chứt thường sinh sống ở địa bàn với những điều kiện tự nhiên hết sức khó khăn, nên công cuộc giảm nghèo cũng không thể có được kết quả sớm như ở một số cộng đồng dân tộc khác.

Đối với đồng bào, để tồn tại là một vấn đề không khó, nhưng để nâng cao chất lượng cuộc sống và nguồn nhân lực,... để có thể tiếp cận nhanh tới các mục tiêu giảm nghèo, dinh dưỡng và học vấn,... lại là một vấn đề không dễ. Bởi vì, đói nghèo ở người Chứt không chỉ bó hẹp trong việc thiếu thôn lương thực, thực phẩm, hay nhu yếu phẩm, mà còn đói cả về văn hóa tinh thần, về kiến thức,... đó là nghèo đói đa chiều.

Trong quan niệm của người Chứt, rừng là phần lớn cuộc sống của họ, bởi rừng cho đất làm nương rẫy, rừng cho gỗ làm nhà, cho củi để đốt, cho tre để đan lát,... Không có nhu cầu lớn nhỏ nào của con người lại không xuất phát từ rừng. Cho nên nương rẫy được coi là tài sản riêng của từng hộ, do gia đình quản lý, sử dụng. Tài sản chung của cộng đồng là sông suối, rừng núi. Trong Luật đất đai, Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận giao quyền sử dụng đất, rừng cho cá nhân, tổ chức thời hạn 20 năm hoặc 50 năm. Xuất hiện mâu thuẫn trong việc sở hữu đất đai của nhà nước với sở hữu đất đai của cộng đồng. Người dân không còn được tự do khai phá đất rừng để làm nương rẫy, đất sản xuất bị thu hẹp,... Từ đó cộng đồng cảm thấy hụt hẫng và phản ứng thường thấy là người dân lén lút phá rừng, lấn chiếm đất đã có chủ quyền hoặc ngăn cản hoạt động sản xuất của các đơn vị khác. Sự thu hẹp đất canh tác đi đôi với việc đất đai cạn kiệt nguồn dinh dưỡng, năng suất, sản lượng sụt giảm, vì thế tình trạng đói nghèo trở thành hệ quả tất yếu trong một vòng luẩn quẩn mà cộng đồng người Chứt đang phải đối mặt.

Về năng lực tiếp cận kiến thức để tham gia công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập

Khảo sát cho thấy, lớp trẻ người Chứt dường như chưa có ý thức tự giác học tập để có thể vươn ra ngoài phạm vi thôn, bản để XĐGN và đổi đời. Ở các cấp thấp tại trường bản, trẻ em thường trốn học với nhiều lý do: đói cái bụng, giúp mẹ làm rẫy, bài học không vào cái tai,... Dường như họ chưa hiểu hết ý nghĩa của việc có học thức là điều kiện quan trọng nhất để đổi đời. Cho nên trong gần 7.000 dân số người Chứt hiện nay, với cơ chế cử tuyển, cũng chỉ có con số hàng chục thanh

niên Chứt là đại diện hiếm hoi của lớp trẻ đi học các trường cao đẳng trong tỉnh. Nhiều gia đình người Chứt đã mua xe máy và biết đi xe máy, nhưng không ai trong họ biết chữa xe. Có gia đình người Chứt bán cả bò để mua xe, nhưng khi xe hết xăng và xe hỏng hóc nhỏ, họ vớt xe như đồng sắt vụn và không nghĩ đến chuyện sửa chữa để sử dụng nữa.

Xuất khẩu lao động được Đảng và Nhà nước ta cho là một giải pháp khá hiệu quả để các cộng đồng XĐGN. Và giải pháp đó cũng được áp dụng với người Chứt. Chúng tôi cho đó là một cơ hội tốt để lớp trẻ của cộng đồng này hội nhập và trưởng thành. Tuy nhiên, khi có cơ hội xuất khẩu lao động phổ thông tại Ma-lay-xi-a, do hạn chế về năng lực ngoại ngữ và tiếp cận kỹ thuật, 37 thanh niên người Chứt cũng đã không hoàn thành được hợp đồng và buộc phải chấm dứt hợp đồng trước hạn, trở về quê hương với hai bàn tay trắng.

Năng lực hiểu biết pháp luật và thực thi quyền làm chủ

Người Chứt ít nói tới pháp luật, bởi nhiều người trong họ nghĩ pháp luật không đến tới quê hương vùng sâu vùng xa của họ. Khảo sát cho thấy, có tới trên 40% thanh niên các bản người Chứt biết đi xe máy, nhưng không ai trong họ có giấy phép lái xe mô tô. Thanh niên người Chứt không lường được hậu quả khi lái xe gây tai nạn cho cộng đồng. Đã có trường hợp gây tai nạn, thanh niên người Chứt vớt xe trốn biệt vào rừng và chỉ đến khi không ai nhắc tới tai nạn đó nữa họ mới trở về bản.

Xã hội truyền thống của đồng bào Chứt đã tồn tại rất lâu đời theo sinh kế và lối sống nguyên thủy của họ. Chúng hình thành nên tâm lý thụ động, tính khép kín, tính bình quân chủ nghĩa và cách tư duy cụ thể,... Tổ chức xã hội truyền thống của các nhóm địa phương thuộc dân tộc Chứt được điều hành và quản lý bởi một bộ máy tự quản phi quan phương, bao gồm già làng do người dân suy tôn, thông qua hệ thống luật tục, vận hành theo chủ nghĩa kinh nghiệm. Vai trò của già làng chiếm giữ một vị trí quan trọng trong mọi sinh hoạt cộng đồng. Nên ở nhiều thôn bản, vai trò của già làng thường chi phối vai trò của trưởng bản. Chính vì thế, tình trạng “phép vua thua lệ làng” còn rất rõ. Sự thiếu cộng tác của già làng một khi trưởng thôn quyết đoán nhiều công việc chung vượt khỏi luật tục cũng đã gây nên những phản ứng và sự bất hợp tác từ phía người dân.

Người Chứt thường ít nói đến quyền cũng như lợi ích của họ. Khái niệm quyền thật xa lạ trong đời sống cộng đồng. Khi nói học tập là quyền của lớp trẻ người Chứt thì họ từ chối luôn cả quyền được đi học chỉ với lí do đơn giản là *không muốn xa mẹ*. Nếu như cán bộ dân số không mang thẻ bảo hiểm y tế trao tận tay người Chứt, họ cũng không thấy cần thiết phải nhận để trình khi khám chữa bệnh,...

Năng lực bảo tồn văn hóa truyền thống

Người Chứt có nền văn hóa khá độc đáo. Hơn nữa, văn hóa và ngôn ngữ của họ là những cứ liệu lịch sử quý hiếm để nghiên cứu lịch sử của tiếng Việt và người Việt bản địa xa xưa. Tuy nhiên, vấn đề mai một về bản sắc đang âm thầm diễn ra từng ngày, từng giờ trên nhiều khía cạnh của cuộc sống cộng đồng... Sự mai một bản sắc văn hóa của dân tộc Chứt có những nguyên nhân khách quan, trong đó có những tác động không nhỏ trong chính sách đầu tư, hỗ trợ, chỉ thấy những vấn đề trước mắt mà chưa tính đến lợi ích lâu dài. Điều đó đang đặt ra vấn đề là việc đầu tư, hỗ trợ đối với dân tộc Chứt không chỉ đơn thuần hỗ trợ về vật chất,... mà còn quan tâm đến việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào. Sự hỗ trợ, đầu tư cho vùng này nếu không dựa trên nền tảng văn hóa truyền thống, chắc chắn hiệu quả của các chương trình, dự án sẽ không cao. Thực tế công cuộc giảm nghèo của người Chứt trong những năm qua

đã chứng minh điều đó.

Nguyên nhân chủ quan của việc phai nhạt bản sắc có thể thấy rõ là thanh niên người Chứt bây giờ ít quan tâm đến văn hóa truyền thống của cộng đồng, xu hướng chung là lớp trẻ người Chứt thích văn hóa ngoại nhiều hơn. Điều đó chúng ta thấy cũng dễ hiểu, bởi khi văn hóa ngoại đang được phổ biến rộng rãi trên tất cả các phương tiện truyền thông, nó có sức hấp dẫn mạnh mẽ. Nếu như chúng ta không có những phong trào giáo dục các giá trị truyền thống cùng giải pháp bảo tồn văn hóa, lớp thanh niên người Chứt hiện nay sẽ không tự ý thức được việc bảo tồn văn hóa truyền thống của mình như một sứ mệnh thiêng liêng, thì sự mai một về bản sắc còn sót lại ở cộng đồng này là một điều khó tránh khỏi.

3. Một số kiến nghị

Từ một số vấn đề trong PTCN của dân tộc Chứt nêu trên, nhóm nghiên cứu có các kiến nghị sau đây nhằm nâng cao hiệu quả nắm bắt cơ hội và phát huy năng lực phát triển của dân tộc Chứt:

3.1. Cần tăng cường nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò chủ thể của người dân trong phát triển

Một cộng đồng vừa mới trở về cuộc sống định cư không lâu như người Chứt thì họ phải đối diện với nhiều vấn đề khác lạ với nếp nghĩ, lối sống truyền thống của dân tộc họ,... Hơn ai hết, người Chứt cần được tuyên truyền, giáo dục về ý thức làm chủ cuộc sống của mình theo một cách giải thích giản đơn với tư duy cụ thể, phù hợp với năng lực nhận thức của cộng đồng để cho họ hiểu rằng chính bản thân cộng đồng người Chứt làm ra lúa gạo và mọi tài sản để cuộc sống trở nên no đủ. Họ cần phải nghĩ cách để tạo ra tài sản chứ không chỉ dựa vào khai thác núi rừng, hoặc trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước.

3.2. Cần chú trọng ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực trong cộng đồng người Chứt như là chìa khóa của phát triển

Sự đầu tư, hỗ trợ của nhà nước cho cộng đồng người Chứt phát triển trong những năm qua thực sự là to lớn. Tuy nhiên, cần phải xem xét lại định hướng đầu tư ưu tiên. Bởi xây dựng nguồn nhân lực chủ chốt trong cộng đồng người Chứt là một việc đặc biệt quan trọng và cần thiết - đây là nhân tố mang tính quyết định cho sự phát triển của cộng đồng. Có chính sách tốt và đủ nguồn lực là cần thiết, nhưng sẽ không đem lại hiệu quả như mong muốn nếu không có nguồn nhân lực tốt. Các dự án hỗ trợ và phát triển được triển khai ở vùng đồng bào dân tộc Chứt được phát huy hiệu quả cao khi bản thân đồng bào có đủ năng lực nắm bắt các cơ hội làm chủ sự phát triển của mình.

Mặt khác, muốn làm chủ được cuộc sống của mình, người Chứt, đặc biệt là giới trẻ cần phải học tập để tích lũy kiến thức, hiểu biết kỹ thuật để áp dụng vào việc sản xuất với năng suất cao. Và đó cũng là điều kiện cần thiết để giới trẻ người Chứt bước ra khỏi thôn, bản của mình, hòa nhập với cuộc sống lao động của cả cộng đồng dân tộc. Chỉ một khi cộng đồng người Chứt ý thức được vai trò chủ thể của mình họ mới tự giác trong việc thay đổi cuộc sống. Chúng tôi hiểu đó là một cuộc chiến cam go.

3.3. Cần điều chỉnh phương thức tiếp cận phát triển với đồng bào

Cần chú trọng đến phương thức tiếp cận với cộng đồng theo nguyên tắc cùng tham gia, trên cơ sở năng lực của cộng đồng. Quá trình tham gia này dựa trên nguyên tắc trao quyền với những cơ hội luôn mở rộng để người Chứt được thực hành vai trò của người làm chủ. Việc được bộ đội biên phòng cầm tay chỉ việc trong sản xuất tăng gia trong những năm qua là những bước thực thi

quá trình trao quyền. Tuy nhiên, với hiểu biết hạn chế về kỹ thuật và năng lực canh tác chưa bền vững, việc giác ngộ ý thức làm chủ chưa sâu sắc, đã dẫn đến việc người Chứt bỏ sản xuất tăng gia là một bài học về cách tiếp cận với cộng đồng. Đây là một việc thực sự khó khăn, nhất là khi cộng đồng người Chứt đã từng quen với sự hỗ trợ của nhà nước với tâm lý: *Đói không lo, no không mừng*. Đồng thời tiếp cận nghiên cứu và đánh giá sự phát triển của cộng đồng cần dựa trên các minh chứng cụ thể từ thực tiễn. Chỉ có đi sâu đi sát với cộng đồng, chỉ một khi giúp cho người dân hiểu được rằng công cuộc phát triển này là của chính họ và họ có tiếng nói quyết định đến sự thành bại của nó, và khi lấy được lòng tin của cộng đồng, họ sẽ cùng nỗ lực trong công cuộc xóa đói giảm nghèo cam go này.

3.4. Cần giáo dục ý thức tự tôn dân tộc để người Chứt hiểu được tầm quan trọng của sự tồn tại của cộng đồng cùng với bản sắc văn hóa mà họ là chủ nhân

Người Chứt dường như không có ý thức về tầm quan trọng trong sự tồn tại của cộng đồng đối với dân tộc Việt Nam nói chung. Nên việc giáo dục ý thức tự tôn dân tộc và ý nghĩa tồn tại của họ là cần thiết đồng thời với việc hướng dẫn họ canh tác, làm ra các sản phẩm vật chất. Chính vì vậy, bên cạnh sự hỗ trợ để phát triển văn hóa, thì những chương trình hỗ trợ về bảo tồn văn hóa của cộng đồng người Chứt cũng cần phải được tiến hành song song.

3.5. Cần nhân rộng những mô hình làm chủ cuộc sống, những điển hình làm kinh tế giỏi trong cộng đồng người Chứt để cộng đồng noi theo

Việc xuất hiện mô hình người A Rem trồng và quản lý rừng như một nguồn tài sản lớn của quốc gia là đã thể hiện sinh động quá trình trao quyền và khẳng định quyền làm chủ của người dân. Mô hình này cần được nhân rộng bởi, với tâm lý, tập quán, cùng sinh kế truyền thống “coi rừng là thiêng liêng” và “bất khả xâm phạm rừng thiêng” của cộng đồng, sẽ không có ai giỏi hơn người Chứt trong công việc này. Thực hiện được tốt công tác này, tỉnh Quảng Bình đã vừa giảm được một số lượng lớn nhân viên ngành lâm nghiệp từ nơi khác đến, tiết kiệm được nguồn tài chính cho nhà nước và địa phương, đồng thời thực hiện hiệu quả quá trình trao quyền cho chính những chủ nhân đích thực của núi rừng.

Trong cộng đồng người Chứt, dù còn ở quy mô nhỏ lẻ, đã có những điển hình làm kinh tế giỏi, mang thu nhập cao cho gia đình và góp phần củng cố cộng đồng. Những người làm kinh tế giỏi có thể kể đến là ông Trần Tiếp ở bản Ón, bà Hồng ở Bản Giàng, chị Nhung ở Bãi Dinh,... cùng nhiều người khác. Đây là các hạt nhân của cộng đồng, có thể nhân rộng, hoặc có thể tạo cho họ nguồn vốn, cùng xây dựng với họ những chương trình thu hút nguồn lực của địa phương, tiên phong trong công cuộc XDGN cũng là một việc cần đẩy mạnh hiện nay.

Kết luận

Trên đây là một số vấn đề cơ bản trong PTCN của dân tộc Chứt ở miền Trung nước ta hiện nay được đề tài ghi nhận qua quá trình nghiên cứu. Trong khuôn khổ của một bài viết đăng tạp chí, chúng tôi không thể chia sẻ toàn bộ kết quả nghiên cứu của đề tài. Điều thấy rõ là cuộc sống của người Chứt đã có dấu hiệu khởi sắc. Tâm lý “Đói không lo, no không mừng” vốn rất nặng nề xưa kia trong cộng đồng người Chứt, giờ đã có chuyển biến theo hướng năng động hơn. Đó chính là những thành quả của công cuộc đổi mới đất nước đem lại. Tuy nhiên, khó có thể phủ nhận rằng cuộc chiến chống đói nghèo của dân tộc Chứt không còn cam go và thách thức. Với những trăn trở trên đây, những người nghiên cứu, gắn bó nhiều năm với cộng đồng Chứt mong muốn bài báo sẽ chiếm được sự quan tâm của độc giả và các nhà hoạch định chính sách, để chúng ta cùng suy

nghĩ và hành động, cùng hợp lực với dân tộc Chứt trong cuộc chiến chống đói nghèo, vươn lên tự khẳng định mình trong gia đình các dân tộc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc miền núi tỉnh Quảng Bình (2014), “Những vấn đề trong triển khai các dự án hỗ trợ đồng bào dân tộc Chứt”, Do ông Hoàng Văn Tân báo cáo tại Hội thảo về PTCN dân tộc Chứt ở miền Trung Việt Nam, Tháng 10.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991); Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001),); Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006).
3. Nguyễn Văn Mạnh (2014), “Đan xen văn hóa trong các cộng đồng dân tộc thiểu số Quảng Bình”, Website Sở Khoa học - công nghệ Quảng Bình, <https://skhcn.quangbinh.gov.vn/3cms/upload/khcn/File>.
4. Lâm Bá Nam (2015), “Chính sách dân tộc của Đảng trong thời kỳ đổi mới”, Tạp chí *Cộng sản*, Ngày 28/9/2015, <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/tu-lieu-ve-dang/lich-su-dang/books-2928201510064846/index-392820151000374661.html>.
5. Trịnh Thị Kim Ngọc (2015), “Bảo vệ đa dạng văn hóa của dân tộc Chứt vì mục tiêu phát triển con người”, Tạp chí *Nghiên cứu Con người*, Số 6.
6. Nguyễn Hữu Thông, Nguyễn Khắc Thái, Lê Anh Tuấn, Nguyễn Phước Bảo Đan, Trần Đức Sáng (2007), *Hoa trên đá núi - Chân dung các tộc người thiểu số miền Tây Quảng Bình*, Nxb. Thuận Hóa.
7. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (2001), *Báo cáo phát triển con người Việt Nam năm 2001*, “Đổi mới và Phát triển con người”, Nxb. Chính trị Quốc gia.
8. UBND huyện Minh Hóa (2007), “Báo cáo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Minh Hóa đến năm 2015, 2020”, Số: 49/BC-UBND, ngày 17/7/2007.
9. UBND huyện Tuyên Hóa (2006), “Chương trình XDGN-giải quyết việc làm và xóa mái nhà tranh cho hộ nghèo giai đoạn 2006 - 2010” (Ban hành theo Quyết định số: 10/2006/QĐ-UBND ngày 10/8/2006 của UBND huyện).
10. UBND tỉnh Quảng Bình, Đồng Hới (2000), “Phong Nha - Kẻ Bàng tiềm năng và phát triển”, Ban Chủ nhiệm công trình Bảo tồn, Quản lý và khai thác khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng.